

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:12/2018/DS - ST

Ngày: 30/10/2018

V/v : Tranh chấp HĐ vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Thuởng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương - Thư ký TAND Thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2018/ TLST- DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/ 2018 / QĐST – DS ngày 10/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: đường L, Quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - CTHĐTV.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh H – GD Ngân hàng N – Chi nhánh B - phòng giao dịch số 1.

Địa chỉ: đường T, phường L, thành phố T.

(Giấy ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đường M, phường Đ, thành phố T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Công L – Sinh năm 1987

Địa chỉ: Đường M, phường Đ, thành phố T.

- Ông Nguyễn Thế H2 – Sinh năm: 1960

- Bà Vũ Thị L - Sinh năm: 1962

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, thành phố T.

Tại phiên Tòa có mặt đại diện nguyên đơn; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2018 và bản tự khai ngày 15/6/2018, các lần hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày: Ngày 29/9/2017, giữa Ngân hàng N – Chi nhánh B – phòng giao dịch số 1 và chị Nguyễn Thị D có ký Hợp đồng tín dụng số 3534-LAV-201701801, cho chị D vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng, mục đích vay Mua nhà ở; Lãi suất: 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn,

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại thôn T, xã Q, thành phố T, đã được UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số E0336701 ngày 30/7/1994, mang tên ông Nguyễn Thế H2 và bà Vũ Thị L theo HĐ thế chấp số 3534PGD/41/2017 ngày 29/9/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 26/3/2018 chị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/3/2018.

Tính đến ngày 19/4/2018, chị D còn nợ Ngân hàng N – Chi nhánh B –phòng giao dịch số 1 tổng số tiền 384.339.294 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 378.400.000 đồng ;

Nợ lãi trong hạn: 5.895.436 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 43.858 đồng

Nay Ngân hàng yêu cầu chị Nguyễn Thị D, anh L trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh B –phòng giao dịch số 1 tổng số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/4/2018 đến ngày chị D trả hết nợ gốc cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3534-LAV-201701801 ngày 29/9/2017.

Nếu chị D, anh L không trả được các khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản thế chấp nêu trên.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Ngày 29/9/2017, giữa Ngân hàng N – Chi nhánh B –phòng giao dịch số 1 và tôi (D) có ký hợp đồng tín dụng số 3534-LAV-201701801, tôi vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng, mục đích vay Mua nhà ở; Lãi suất: 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại thôn T, xã Q, thành phố T, đã được UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số E0336701 ngày 30/7/1994, mang tên ông Nguyễn Thế H2 và bà Vũ Thị L theo HĐ thế chấp số 3534PGD/41/2017 ngày 29/9/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 26/3/2018 tôi vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/3/2018.

Tính đến ngày 19/4/2018, tôi (D) còn nợ Ngân hàng N – Chi nhánh B – phòng giao dịch số 1 tổng số tiền 384.339.294 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 378.400.000 đồng ;

Nợ lãi trong hạn: 5.895.436 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 43.858 đồng

Nay Ngân hàng yêu cầu tôi trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh B –phòng giao dịch số 1 tổng số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/4/2018 đến ngày tôi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3534-LAV-201701801 ngày 29/9/2017 thì tôi đồng ý, tuy nhiên do điều kiện làm ăn khó khăn, đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng tôi được trả các khoản nợ nêu trên một lần vào ngày 10/10/2018

Nếu vợ chồng tôi không trả được nợ cho Ngân hàng theo đúng thời hạn trên thì chúng tôi đồng ý để Ngân hàng kê biên, phát mại tài sản thế chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị L trình bày:

Ngày 29/9/2017, giữa Ngân hàng N – Chi nhánh B –phòng giao dịch số 1 và chị Nguyễn Thị D (con gái tôi) có ký hợp đồng tín dụng số 3534-LAV-201701801, chị D vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng, mục đích vay mua nhà ở; Lãi suất: 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Vợ chồng tôi đã tự nguyện đem tài sản của mình là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại thôn T, xã Q, thành phố T, đã được UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số E0336701 ngày 30/7/1994, mang tên ông Nguyễn Thế H2 và bà Vũ Thị L để đảm bảo cho khoản vay trên của chị D. Giữa Ngân hàng N – Chi nhánh B –phòng giao dịch số 1 và vợ chồng tôi Nguyễn Thế H2 và Vũ Thị L đã ký hợp đồng thế chấp số 3534PGD/41/2017 ngày 29/9/2017. Nay Ngân hàng yêu cầu chị Nguyễn Thị D trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh B –phòng giao dịch số 1 tổng số tiền nợ và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/4/2018 đến ngày chị D trả hết nợ gốc cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3534-LAV-201701801 ngày 29/9/2017. Tôi thống nhất với ý kiến trình bày của chị D. Nếu đến ngày 10/10/2018, chị D không trả được các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng thì tôi đồng ý để Ngân hàng kê biên phát mại tài sản của vợ chồng tôi.

Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về tiền gốc yêu cầu chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Công L phải trả tiền gốc 378.400.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3534-LAV-201701801 ngày 29/9/2017 và tiền lãi tính đến ngày 30/10/2018 là 29.846.502 đồng; trường hợp chị D anh L không trả được nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng N – Chi nhánh B – phòng giao dịch số 1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án (*Thẩm tra viên giúp việc cho thẩm phán*) đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về Thẩm quyền, thời hạn, trình tự thụ lý vụ án ; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, đúng quan hệ tranh chấp; tiến hành xác minh, thu thập giao nhận chứng cứ; giao nhận thông báo, văn bản tố tụng cho VKS và tổng đạt các thông báo, văn bản tố

tụng cho đương sự theo đúng quy định; thực hiện phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chấp hành đúng quy định của BLTTDS về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: tại phiên tòa hôm nay HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm

* *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:* + Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã nộp yêu cầu khởi kiện, cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án, tham gia phiên tòa và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Bị đơn đã chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án, có tự khai, có tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; nhưng bị đơn không tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà không có lý do. Tòa án căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử là đúng quy định.

+ Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế H2 và ông Nguyễn Công L: không chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án, không có bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị L: đã chấp hành các quyết định của Tòa án, có tự khai, có tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa hôm nay, bà L không có mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà không có lý do. Tòa án căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về việc gửi quyết định vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thẩm phán thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và được thẩm định tại phiên tòa hôm nay cho thấy: Ngày 29/9/2017, bà Nguyễn Thị D đã ký Hợp đồng tín dụng số 3534-LAV-201701801 vay Ngân hàng N – Chi nhánh B - Phòng giao dịch số 1 số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay 72 tháng, lãi suất vay 11,5% (áp dụng lãi suất có điều chỉnh), mục đích vay là để mua nhà ở. Tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất có diện tích 364m² tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thôn T, xã Q, thành phố T đã được UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số E0336701 ngày 30/7/1994, chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Thế H2 và bà Vũ Thị L theo Hợp đồng thế chấp số 3534PGD/41/2017 ngày 29/09/2017 được công chứng số 1528, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là 21.600.000đ, tiền lãi là 18.981.616đ, đến kỳ trả nợ tháng 3/2018 thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà D thanh toán nợ, nhưng bà D vẫn không thực hiện. Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/03/2018. Tính đến ngày 19/4/2018, bà D còn nợ Ngân hàng N – Chi nhánh B – Phòng giao

dịch số 1 số nợ là 384.339.294đ, trong đó nợ gốc là 378.400.000đ, nợ lãi trong hạn là 5.895.436đ và nợ lãi quá hạn là 43.858đ. Nay, Ngân hàng N Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch số 1 khởi kiện, yêu cầu ông bà phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả nợ xong. Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên quyền kê biên tài sản thế chấp bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D khai báo tại hồ sơ phù hợp với Ngân hàng về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay và tài sản bảo đảm cũng như số tiền đã trả cho Ngân hàng. Số tiền nợ còn lại, nay Ngân hàng yêu cầu thanh toán bà xin được trả dần.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị L khai báo ngày 29/9/2017, con gái bà là Nguyễn Thị D có vay Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch số 1 400.000.000đ. Để đảm bảo khoản vay trên, vợ chồng bà đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thôn T, xã Q, thành phố T đã được UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số E0336701 ngày 30/7/1994. Nay Ngân hàng yêu cầu con bà là Nguyễn Thị D trả nợ, bà đồng ý. Nếu bà D không trả được, bà đồng ý để kê biên phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa căn cứ Điều 299, 318, khoản 1 điều 325, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch số 1 buộc bà D phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ còn lại tính đến ngày xét xử và tiếp tục phải chịu lãi suất cho đến khi trả xong nợ; đề nghị tuyên quyền kê biên phát mãi tài sản thế chấp nếu bà D không trả được nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Phía bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt.

Theo Hợp đồng tín dụng số 3534-LAV-201701801 Ngày 29/9/2017, giữa Ngân hàng N Nam – Chi nhánh B – Phòng giao dịch số 1 và chị Nguyễn Thị D, Hợp đồng do hai bên tự nguyện ký một bên có mục đích lợi nhuận còn bên kia sử dụng vào mua nhà ở, do vậy khi có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện (theo khoản 3 Điều 26 và Điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS).

[2] Về thời hiệu: Hợp đồng tín dụng giữa hai bên thuộc loại vay dài hạn theo dư nợ giảm dần chia làm nhiều kỳ, kỳ trả nợ hàng tháng vào ngày 25, số tiền gốc trả hàng kỳ là 16.600.000 đồng, tiền lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện bên vay đã không trả được đúng hạn. Như vậy bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cam kết theo Hợp đồng tín dụng và các cam kết trong giấy nhận nợ. Do vậy việc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị D, anh L trả nợ là còn thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều 184 BLTTDS, Điều 429 BLDS.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị D ,anh L trả nợ tiền gốc 378.400.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3534-LAV-201701801 Ngày 29/9/2017 và tiền lãi 29.846.502 đồng; thấy rằng: Hợp đồng tín dụng do một mình chị D ký kết với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn nhưng trước khi ký kết hợp đồng này anh L (chồng chị D) có văn bản ủy quyền cho một mình chị D đại diện ký với Ngân hàng, mục đích vay tiền sử dụng vào việc mua nhà ở cho vợ chồng. Theo các Điều 25,27,30,36,37 Luật hôn nhân gia đình thì nghĩa vụ của vợ chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình , trách nhiệm liên đới của vợ, chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện do đó buộc chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Công L phải có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho Ngân hàng là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn thống nhất về số nợ gốc như yêu cầu trên của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở căn cứ vào Điều 463; 466; 467; 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N

[4] Về lãi suất: Ngân hàng N yêu cầu Tòa án buộc chị D và anh L phải trả số tiền lãi từ ngày 26/3/2018 cho đến ngày 30/10/2018 là 29.846.502 đồng; tiền lãi trong hạn là 27.341.267 đồng , lãi quá hạn là 2.505.235 đồng, thấy trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận mới chỉ thanh toán tiền gốc và tiền lãi đến ngày 26/3/2018. Như vậy kể từ ngày 26/3/2018 chị D chưa thanh toán được tiền lãi cho Ngân hàng. Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi là có cơ sở căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N .

[5] Về tài sản thế chấp: Ông H2 bà L đã tự nguyện mang tài sản của gia đình ông bà là Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại thôn T, xã Q, thành phố T, đã được UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số E0336701 ngày 30/7/1994, mang tên ông Nguyễn Thế H2 và bà Vũ Thị L theo HĐ thế chấp số 3534PGD/41/2017 ngày 29/9/2017. Do vậy trong trường hợp chị D, anh L không trả được nợ trên cho Ngân hàng, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản nêu trên để đảm bảo khoản nợ cho Ngân hàng.

[6] Về án phí: Ngân hàng N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 9.608.000 đồng đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa .

Chị D anh L phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 26; điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần I Mục A Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 về quy định mức án phí, Lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 227, 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điều 463; 466, 468 470 BLDS; khoản 2 Điều 26; điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần I Mục A Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14 về quy định mức án phí, Lệ phí Tòa án.

Xử: - Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam

Buộc chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Công L trả cho Ngân hàng N số tiền là 408.246.502 đồng trong đó tiền gốc là 378.400.000 đồng, tiền lãi 29.846.502 đồng.

Kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm D và anh L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3534-LAV-201701801 Ngày 29/9/2017. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị D anh L không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên, thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự TP Thanh Hóa kê biên, phát mại xử lý theo tài sản thế chấp quy định của pháp luật toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại thôn T, xã Q, thành phố T, đã được UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ số E0336701 ngày 30/7/1994, mang tên ông Nguyễn Thế H2 và bà Vũ Thị L Theo Hợp đồng thế chấp số 3534PGD/41/2017 ngày 29/9/2017 đã ký giữa Ngân hàng N – Chi nhánh B –phòng giao dịch số 1 và ông Nguyễn Thế H2 và bà Vũ Thị L .

Về án phí: Ngân hàng N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 9.608.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số 0005083 ngày 05/6/2018.

Chị D anh L phải chịu số án phí DS 20.329.860 đồng.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPThanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- THA TPTH;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nguyệt